TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2019/KDTM-ST
Ngày 28/10/2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên

Ngày 28/10/2019, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLST-KDTM ngày 17/4/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27a/2019/QĐXXST-DS ngày 23/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST – DS ngày 10/10/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần L

Địa chỉ: Số 25 đường số 6, khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Việt Đ. Địa chỉ: Số 25 đường số 6, khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Ông Lê Văn H. Địa chỉ: Liên gia 3, khối 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị M. Địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng mua bán bột mì DLA010/HĐĐL-LV/2013 giữa công ty cổ phần L và bà Vũ Thị M, ông Lê Văn H là chủ hộ, có thỏa thuận ký kết và thực hiện các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình hợp tác kinh doanh mua bán bột mì giữa hai bên diễn ra bình thường từ ngày 29/7/2013 đến 20/12/2017. Theo hợp đồng mua bán và các háo đơn hàng đều có tên của bà Vũ Thị M là người mua hàng. Tuy nhiên, tất cả mọi giao dịch trực tiếp hoặc qua điện thoại đều do ông H thực hiện với chúng tôi. Việc xác nhận nợ hàng cũng do ông H đứng ra xác nhận nợ với chúng tôi. Do đó, chúng tôi thừa nhận bà M là ngươi đứng tên giùm cho ông H trong việc kinh doanh và không liên quan đến số tiền nợ hàng của công ty cổ phần L. Hiện nay ông H không tiếp tục mua hàng và không thanh toán số tiền hàng đã nhận của công ty cổ phần L là 160.792.700 đồng. Đại diện công ty nhiều lần gặp và nhắc nhở ông H thanh toán khoản còn nợ và đã gia hạn nợ. Sau đó ông H có làm cam kết sẽ trả nợ nhưng không thực hiện.

Nay công ty cổ phần L yêu cầu ông H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ hàng hóa đã mua của công ty là 160.792.700 đồng. Công ty xác nhận bà M chỉ là người đứng tên kinh doanh và không liên quan đến số nợ hàng hóa mua bán giữa ông H và công ty cổ phần L. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Tôi thừa nhận vào ngày 28/02/2013 đại diện cho đại lý Vũ Thị M có ký hợp đồng mua hàng bột mì với Công ty cổ phần L Theo hợp đồng mua bán bột mì DLA010/HĐĐL-LV/2013. Sau khi ký hợp đồng tổng số tiền tôi còn nợ Công ty cổ phần L là 160.792.700 đồng.

Đối với đại lý Vũ Thị M do bà Vũ Thị M làm chủ đại lý và đăng ký kinh doanh, nhưng trên thực tế việc kinh doanh đều do một mình tôi thực hiện, bà M chỉ đứng tên thay tôi để đại diện theo pháp luật, việc ký kết giao nhận hàng, xác nhận nợ đều do mình tôi thực hiện, do vậy tôi xác nhận bà M không liên quan đến việc nợ tiền hàng của Công ty cổ phần L và tôi sẽ tự chịu trách nhiệm đối với số tiền nợ 160.792.700 đồng của Công ty cổ phần L. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn, việc kinh doanh thua lỗ nên tôi chưa có điều kiện trả tiền nợ cho Công ty cổ phần L, vì vậy tôi xin Công ty cổ phần L gia hạn thêm cho tôi thời gian trả nợ.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 16/8/2019 bà Vũ Thị M trình bày: Tôi là người đứng tên đại lý Vũ Thị M nhưng việc trực tiếp kinh doanh và ký kết hợp đồng với các đối tác cụ thể là Công ty cổ phần L đều do ông Lê Văn H thực hiện. Việc mua bán hàng hóa giữa công ty cổ phần L và ông Lê Văn H theo hợp đồng mua bán số DLA010/HĐĐL-LV/2013 ngày 28/02/2013 tôi đều không biết, tất cả các hóa đơn nhập hàng và xuất hàng tôi cũng không biết và cũng không có ký nhận. Tôi chỉ là người đứng tên trong giấy phép kinh doanh dùm cho ông H để ông H kinh doanh. Nay, Công ty cổ phần L yêu cầu tôi và ông H có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ tiền hàng 160.792.700 đồng thì tôi không đồng ý vì khoản nợ tiền hàng này là khoản nợ riêng của ông H với Công ty cổ phần L, tôi không liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử: Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là *"Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 428; Điều 431; Điều 432 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 24; Điều 50; Điều 55 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần L:

Buộc ông Lê Văn H phải trả toàn bộ tổng số tiền còn nợ mua hàng của Công ty cổ phần L là: 160.792.700 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần L đối với bà Vũ Thị M.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật; Bà Vũ Thị M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; bị đơn ông Lê Văn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật, .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án Công ty cổ phần L yêu cầu bị đơn – ông Lê Văn H phải trả toàn bộ số tiền nợ hàng hóa là 160.792.700 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, được quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn Công ty Cổ phần L đều chấp hành tốt quy định của pháp luật và tham gia đầy đủ các buổi làm việc, hòa giải tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Đối với bị đơn – ông Lê

Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đối với bà Vũ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn H và bà Vũ Thị M là đúng theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

Giữa Công ty Cổ phần và đại diện cho Đại lý Vũ Thị M là ông Lê Văn H có ký hợp đồng mua bán bột mì DLA010/HĐĐL-LV/2013 vào ngày 28/02/2013, trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên thừa nhận khi ký hợp đồng và giao nhận hàng hóa từ Công ty cổ phần L đều do một mình ông H thực hiện giao dịch, không có mặt bà M. Tại các buổi làm việc và hòa giải ở Tòa án các bên cũng đều thừa nhận đây là khoản nợ tiền hàng riêng của ông Lê Văn H, nên ông H chịu trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần L. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận số tiền hàng nợ 160.792.700 đồng, là số tiền nợ hàng riêng của ông Lê Văn H với Công ty Cổ phần L.

Khi ký hợp đồng và các giấy nhận nợ giữa ông Lê Văn H và Công ty Cổ phần L các bên ký kết đều tự nguyện, đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa ông H không trả được số tiền hàng 160.792.700 đồng mặc dù đã được Công ty Cổ phần L đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhiều lần. Do đó, Công ty Cổ phần L khởi kiện và có yêu cầu khởi kiện bổ sung chỉ buộc yêu cầu ông Lê Văn H trả toàn bộ số tiền nợ hàng 160.792.700 đồng là có căn cứ.

Đối với bà Vũ Thị M có tên trong hợp đồng mua bán bột mì DLA010/HĐĐL-LV/2013 vào ngày 28/02/2013. Quá trình làm việc tại Tòa án các bên đều thừa nhận bà M không có vai trò và liên quan gì đối với việc mua bán hàng hóa giữa Công ty cổ phần L và ông Lê Văn H, việc ký kết hợp đồng bà M đều không biết và cũng không ký nhận bất kỳ hàng hóa nào từ Công ty Cổ phần L, trước khi xét xử sơ thẩm Công ty Cổ phần L đã rút đối với yêu cầu khởi kiện đối với bà M và chỉ yêu cầu ông Lê Văn H trả toàn bộ số tiền nợ hàng 160.792.700 đồng cho Công ty Cổ phần L, yêu cầu này các bên đều tự nguyện, do đó Hội đồng xét cần chấp nhận và Đình chỉ yêu cầu khởi kiện Công ty Cổ phần L đối với bà Vũ Thị M.

Về lãi suất: Các bên không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn - Công ty Cổ phần L không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.020.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2017/0012265 ngày 16/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn - ông Lê Văn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với tổng số tiền còn nợ 160.792.700 đồng cụ thể là: 160.792.700 đồng x 5%

= 8.040.000 đồng. Bà Vũ Thị M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 24; Điều50; Điều 55 Luật thương mại.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần L.

1.1. Buộc ông Lê Văn H phải trả toàn bộ tổng số tiền còn nợ mua hàng của Công ty cổ phần L là: 160.792.700 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần L đối với bà Vũ Thị M.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Lê Văn H phải chịu 8.040.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bà Vũ Thị M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn - Công ty Cổ phần L không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.020.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2017/0012265 ngày 16/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện*

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl